

[Hãy ghi • chọn trong khung bên dưới]

裏面あり

【Ghi vào ô bên dưới. Mong muốn là tài khoản giống tài khoản nộp học phí ở trường.】

		: : : :ー : : :ー 1					
T à i 振 込 先 口 座 の あ な	銀行Ngân hàng	本店Chi nhánh chính	普通 Bình thường	口座番号 (右づめでアケタ) Số tài khoản (7 số bên ợc nhái)			
	信用金庫Shinyou Kinkou						
	農協Nông nghiệp・労働金庫Rodoukinkou	支店Chi nhánh					
	口座名義Tên tài khoản (力ナ) (Chi dành cho tài khoản của người làm đơn)	フリガナ					

【Phần xác nhận của người làm đơn: Xác nhận, đánh dấu vào tất cả trước khi nộp.】

- ☐ Có điền thiếu đơn xin cấp (No. 5 1 1) hay không?
- ☐ Trường hợp có người cùng sinh kế làm việc ở nước ngoài có ghi vào thành phần gia đình chưa?
- ☐ Người xin hỗ trợ lần đầu : Hãy nộp kèm phiếu xác nhận chuyển khoản (No. 5 1 5) .
(Không ghi thiếu thông tin và có dán băng sao tài khoản chưa?)
- ☐ Người không phải người xin lần đầu : Nộp phiếu xác nhận chuyển khoản (No. 5 1 5) chỉ khi đổi tài khoản.
- ☐ Trường hợp chuyển vào từ thành phố khác, có nộp kèm chứng nhận thu nhập ở do cơ quan hành chính ở thành phố làng xã trước lúc chuyển vào cấp hay không?
- ※ Nếu có anh chị em học ở trường tiểu học, cấp 2 thì nộp đơn xin (No. 5 1 1) và phiếu xác nhận chuyển khoản (No. 5 1 5) ở trường nào cũng được.

【学校確認欄 確認して全てにチェックを入れる】

- ☐ 申請書 (No. 5 1 1) に記入漏れがない。
- ☐ 入学前支給申請の場合、入学前支給の申請欄にチェックしてある。
- ☐ 申請書 (No. 5 1 1) の右下の学校記入欄を記載した。
- ☐ 振込口座確認票 (No. 5 1 5) に記入漏れはなく、通帳等の写しはのり等で貼られている。
- ☐ 小中学生の兄弟姉妹がいる場合、学校間で連絡を取り合った。
- ☐ 市外からの転入の場合、転入前の住所地の市町村役場が発行する所得課税証明書が添付されている。
- ☐ 受付日 (/) ※最初に申請書を受け取った日
- ☐ 受付した学校 (学校)

【以下、教育委員会記入欄】

No.	児童生徒名	入学指定日	市外からの転入	結果と適用日	判定区分・理由	入力日
		年 月 日	☐ 有・ ☐ 無	認定 (要・準 /)		/
		年 月 日	年 月 日	却下	所得・書類・転出・他	/
		年 月 日	申請書提出日	区分変更 (要・準 /)		/
		年 月 日	年 月 日	廃止 (/)		/

就学援助申請書 (兼 口座振替依頼書)

豊田市教育長・豊田市長・学校長 様

Ngày nộp cho trường

【以下、太枠内を記入・選択してください。】

【提出日 Ngày nộp】

年 Năm 月 tháng 日 ngày

【年度 Niên học】

【学校名 Tên trường】 小学校Tiểu học 中学校Cấp 2

【Cấp trước khi nhập học tiền dụng cụ học tập nhập học cho cấp học mới (Chỉ lớp 1 mới・Cấp 2 mới)】

申請者Người làm đơn (保護者 phụ huynh) 氏名 Họ và tên

※Ký tên hoặc đóng dấu

※年長・小6の10～12月20日に申請する場合はチェック

Nếu là mẫu giáo 5 tuổi・lớp 6 tiểu học đăng ký từ tháng 10-Trước ngày 20 tháng 12 năm 2024

□申請 Đăng ký

【住所Địa chỉ】〒

【電話番号Số điện thoại】

□ 自家所有 (bao gồm sở hữu của gia đình) □ 借家等Nhà thuê (持家以外)

【Những mục toàn bộ hộ gia đình đăng ký đồng ý】 ※Xác nhận nội dung và đánh dấu vào tất cả

☐ Tôi đồng ý và xin nộp đơn đăng ký xét cấp hỗ trợ học tập.

☐ Tôi đồng ý cho hội ủy viên giáo dục thành phố Toyota xem thông tin đăng ký cư trú của người nộp đơn và các thành viên trong gia đình, tình trạng nhận hỗ trợ học tập

※Trường hợp không thể xác nhận thuế thu nhập do ủy ban thành phố là

☐ Tôi đồng ý chuyển khoản trợ cấp hỗ trợ học tập trong trường hợp được chứng nhận hồ sơ vào tài khoản ghi ở mặt sau, ngoại trừ trường hợp chỉ định đặc biệt.

☐ Sau khi chứng nhận, ủy quyền cho hiệu trưởng trường học sinh đang theo học về việc yêu cầu, nhận, hoàn trả phí hỗ trợ học tập.

☐ Trường hợp có khoản học phí nào chưa nộp cho trường, nhận hỗ trợ của hội ủy viên giáo dục và đồng ý khấu trừ phí hỗ trợ đó vào phần chưa thanh toán

☐ Sau khi được chứng nhận hồ sơ, nếu có thay đổi tình trạng hộ gia đình sẽ nhanh chóng liên lạc (cần nộp đơn thay đổi)

【申請理由 Lý do đăng ký】 ※Đánh dấu mục thích hợp

☐ 生活保護の認定を受けている。 Nhận bảo trợ sinh hoạt.

☐ 生活保護が停止又は廃止された。 Ngừng nhận hoặc bị hủy bảo trợ sinh hoạt.

☐ その他 →

☐ 経済的に困窮している Khó khăn về kinh tế

☐ 最近、収入が激減した Gần đây bị giảm thu nhập (nộp bảng lương 3 tháng gần nhất)

☐ 最近、退職した Gần đây nghỉ việc (nộp hồ sơ ghi ngày nghỉ việc)

☐ 上記以外 Khác nội dung trên (Ghi nội dung cụ thể vào bên dưới)

【家庭の状況 Chi tình trạng gia đình (Người trong cùng hộ gia đình và cùng trong sinh kế (bao gồm sống riêng và khác hộ tịch))】

No.

氏 名 Họ và tên

続 柄 Quan hệ

生 年 月 日 Ngày tháng năm sinh

職 業 Nghề nghiệp (学校Trường・学年Lớp)

【学校記入欄】 学籍番号

1

豊 田 市 子

申請者 本人

大正 昭和 平成・令和

58年 2月 18 日

パート

2

豊 田 太 郎

父

大正 昭和 平成・令和

57年 4月 5 日

会社員

3

豊 田 一 郎

子

大正・昭和

〇〇中学校・〇年

4

豊 田 史 子

〇〇小学校・〇年

5

6

7

大正・昭和 平成・令和

年 月 日

・ Nếu xin cấp dụng cụ học tập cho năm học mới trước khi nhập học hãy ghi năm học mới.
・ Nếu có con học tiểu học và cấp 2, nộp cho 1 trong hai trường.

学校で記入します。

※Nếu có bất kỳ thông tin sai lệch nào trong đơn, chứng nhận có thể bị thu hồi và hoàn trả lại tiền.
※Cấp hỗ trợ học tập trước khi nhập học, nếu không thỏa mãn điều kiện hãy hoàn trả lại.

裏面あり

〔以下、太枠内を記入してください。学校徴収金と同じ口座が望ましい。〕

	: : : :- : : :- 1									
T à i	振込先口座	銀行 Ngân hàng 信用金庫 Shinyou Kinkou	本店 Chi nhánh chính	普通 Bình thường	口座番号 (右づめでアケタ) Số tài khoản (7 số bên dọc phải)					
k h o à n	農協 Nông nghiệp・労働金庫 Rodoukinkou	支店 Chi nhánh								
	口座名義 Tên tài khoản (カナ) (<u>Chỉ dành cho tài khoản của người làm đơn</u>)	フリガナ								

Ghi cùng tên với người làm đơn

【Phần xác nhận của người làm đơn: Xác nhận, đánh dấu vào tất cả trước khi nộp.】

- ☐ Có điền thiếu đơn xin cấp (№ 5 1 1) hay không?
- ☐ Trường hợp có người cùng sinh kế làm việc ở nước ngoài có ghi vào thành phần gia đình chưa?
- ☐ Người xin hỗ trợ lần đầu : Hãy nộp kèm phiếu xác nhận chuyển khoản (№ 5 1 5) .
- (Không ghi thiếu thông tin và có dán băng sao tài khoản chưa?)
- ☐ Người không phải người xin lần đầu : Nộp phiếu xác nhận chuyển khoản (№ 5 1 5) chỉ khi đổi tài khoản.
- ☐ Trường hợp chuyển vào từ thành phố khác, có nộp kèm chứng nhận thu nhập ở do cơ quan hành chính ở thành phố làng xã trước lúc chuyển vào cấp hay không?
- ※ Nếu có anh chị em học ở trường tiểu học, cấp 2 thì nộp đơn xin (№ 5 1 1) và phiếu xác nhận chuyển khoản (№ 5 1 5) ở trường nào cũng được.

【学校確認欄 確認して全てにチェックを入れる】

- ☐ 申請書（No.5 1 1）に記入漏れがない。
- ☐ 入学前支給申請の場合、入学前支給の申請欄にチェックしてある。
- ☐ 申請書（No.5 1 1）の右下の学校記入欄を記載した。
- ☐ 振込口座確認票（No.5 1 5）に記入漏れはなく、通帳等の写しはのり等で貼られている。
- ☐ 小中学生の兄弟姉妹がいる場合、学校間で連絡を取り合った。
- ☐ 市外からの転入の場合、転入前の住所地の市町村役場が発行する所得課税証明書が添付されている。
- ☐ 受付日（ / ）※最初に申請書を受け取った日
- ☐ 受付した学校（ 学校）

【以下、教育委員会記入欄】

No.	児童生徒名	入学指定日	市外からの転入	結果と適用日	判定区分・理由	入力日
		年 月 日	□有・□無 年 月 日	認定（要・準 / ）		/
		年 月 日		却下	所得・書類・転出・他	/
		年 月 日	申請書提出日	区分変更（要・準 / ）		/
		年 月 日	年 月 日	廃止（ / ）		/

申請者名 Tên người đăng ký

就学援助振込先口座の金融機関・口座番号・口座名義人が分かる通帳・キャッシュカード等の写しを貼り付けてください。 *Hãy dán bản photo tài khoản ngân hàng · số tài khoản ngân hàng · thẻ ngân hàng để biết tên tài khoản · thẻ ATM nhận hỗ trợ học tập*

のりづけ

No.515 Phiếu xác nhận chuyển tiền qua tài khoản
〔太枠内を記入してください。Hãy ghi vào trong ô〕

Ví dụ cách ghi

申請者名 Tên người đăng ký			【学校記入欄】	
児童生徒名 Tên học sinh	学校名 Tên trường	生年月日 Ngày tháng năm sinh	学籍番号 Số học bạ	学校徴収金口座 Tài khoản thu tiền ở trường
	学校 Trường H・R	年 Năm 月 tháng 日 ngày		同じ Giống ・ 異なる Khác
	学校 Trường H・R	年 Năm 月 tháng 日 ngày		同じ Giống ・ 異なる Khác
	学校 Trường H・R	年 Năm 月 tháng 日 ngày		同じ Giống ・ 異なる Khác
	学校 Trường H・R	年 Năm 月 tháng 日 ngày		同じ Giống ・ 異なる Khác
	学校 Trường H・R	年 Năm 月 tháng 日 ngày		同じ Giống ・ 異なる Khác

就学援助振込先口座の金融機関・口座番号・口座名義人が分かる通帳・キャッシュカード等の写しを貼り付けてください。Hãy dán bản photo tài khoản ngân hàng・số tài khoản ngân hàng・thẻ ngân hàng để biết tên tài khoản・ thẻ ATM nhận hỗ trợ học tập

三

Lê dán hồ trang copy tài khoản

お客様番号
おなまえ

自動 支 払											
電 荷	電 気	ガ ス	水 道	地 代	借 入	借 入	借 入	借 入	借 入	借 入	借 入
日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日
フレ	電										
ット	子										
日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日	日

自動 受 取	
貯 蓄	年 金
日	日
日	日
日	日

金融機関番号・店員番号 6582-013

貯 金 種 類 口座番号 課 税 区 分 マル銀 限 度 額 差 更 日 限 度 額

普 通 一 般 分 離 千 円 年 月 日 千 円

お取引店 あいち豊田農業協同組合
本店
電話番号 0565-31-9873
通帳発行店 本店

通帳発行日
通帳発行回数 1回

印紙税法第5条の
適用により非課税